

D. Hệ tiêu hoá phân hoá.

Câu 5: Mai của mực thực chất là

A. khoang áo phát triển thành.

B. tấm miệng phát triển thành.

C. vỏ đá vôi tiêu giảm.

D. tấm mang tiêu giảm.

Câu 6: Tấm lái ở tôm sông có chức năng gì?

A. Bắt mồi và bò.

B. Lái và giúp tôm bơi giạt lùi.

C. Giữ và xử lí mồi.

D. Định hướng và phát hiện mồi.

Câu 7: Tập tính ôm trứng của tôm mẹ có ý nghĩa như thế nào?

A. Giúp trứng tận dụng ôxi từ cơ thể mẹ.

B. Bảo vệ trứng khỏi kẻ thù.

C. Giúp phát tán trứng đi nhiều nơi.

D. Giúp trứng nhanh nở.

Câu 8: Các sắc tố trên vỏ tôm sông có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo ra màu sắc rực rỡ giúp tôm đe dọa kẻ thù.

B. Thu hút con mồi lại gần tôm.

C. Là tín hiệu nhận biết đực cái của tôm.

D. Giúp tôm ngụy trang để lẩn tránh kẻ thù.

Câu 9: Tại sao trong quá trình lớn lên, ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần?

A. Vì lớp vỏ mất dần canxi, không còn khả năng bảo vệ.

B. Vì chất kitin được tôm tiết ra phía ngoài liên tục.

C. Vì lớp vỏ cứng rắn cản trở sự lớn lên của tôm.

D. Vì sắc tố vỏ ở tôm bị phai, nếu không lột xác thì tôm sẽ mất khả năng nguy trang.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây về tôm sông là sai?

- A. Là động vật lưỡng tính.
- B. Phần đầu và phần ngực gắn liền nhau.
- C. Phát triển qua giai đoạn ấu trùng.
- D. Vỏ được cấu tạo bằng kitin, có ngấm thêm canxi.

Câu 11: Vỏ tôm được cấu tạo bằng

- A. kitin.
- B. xenlulôzơ.
- C. keratin.
- D. collagen.

Câu 12: Thức ăn của châu chấu là

- A. côn trùng nhỏ.
- B. xác động thực vật.
- C. chồi và lá cây.
- D. mùn hữu cơ.

Câu 13: Giáp xác có vai trò như thế nào trong đời sống con người?

- A. Làm nguồn nhiên liệu thay thế cho các khí đốt.
- B. Được dùng làm mỹ phẩm cho con người.
- C. Là chỉ thị cho việc nghiên cứu địa tầng.
- D. Là nguồn thực phẩm quan trọng của con người.

Câu 14: Động vật nào dưới đây không sống ở biển?

- A. Rận nước.
- B. Cua nhện.
- C. Mọt ẩm.
- D. Tôm hùm.

Câu 15: Điền số liệu thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa của câu sau:

Lớp Giáp xác có khoảng ... loài.

- A. 10 nghìn
- B. 20 nghìn

C. 30 nghìn

D. 40 nghìn

Câu 16: Quá trình chằng lưới ở nhện bao gồm các giai đoạn sau :

(1): Chằng tơ phóng xạ. (2): Chằng các tơ vòng. (3): Chằng bộ khung lưới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo thứ tự hợp lí.

A. (3) → (1) → (2).

B. (3) → (2) → (1).

C. (1) → (3) → (2).

D. (2) → (3) → (1).

Câu 17: Khi rình mồi, nếu có sâu bọ sa lưới, lập tức nhện thực hiện các thao tác :

(1): Tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể mồi.

(2): Nhện hút dịch lỏng ở con mồi.

(3): Nhện ngoạm chặt mồi, tiết nọc độc.

(4): Trói chặt mồi rồi treo vào lưới một thời gian.

Hãy sắp xếp các thao tác trên theo trình tự hợp lí.

A. (3) → (2) → (1) → (4).

B. (2) → (4) → (1) → (3).

C. (3) → (1) → (4) → (2).

D. (2) → (4) → (3) → (1).

Câu 18: Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa của câu sau :

Ở phần bụng của nhện, phía trước là ...(1)..., ở giữa là ...(2)... lỗ sinh dục và phía sau là ...(3)....

A. (1) : một khe thở ; (2) : hai ; (3) : các nùm tuyến tơ

B. (1) : đôi khe thở ; (2) : một ; (3) : các nùm tuyến tơ

C. (1) : các nùm tuyến tơ ; (2) : hai ; (3) : một khe thở

D. (1) : các nùm tuyến tơ ; (2) : một ; (3) : đôi khe thở

Câu 19: Cơ thể của nhện được chia thành

A. 3 phần là phần đầu, phần ngực và phần bụng.

B. 2 phần là phần đầu và phần bụng.

C. 3 phần là phần đầu, phần bụng và phần đuôi.

D. 2 phần là phần đầu – ngực và phần bụng.

Câu 20: Ở nhện, bộ phận nào dưới đây nằm ở phần bụng?

A. Các nóm tuyến tơ.

B. Các đôi chân bò.

C. Đôi kìm.

D. Đôi chân xúc giác.